

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 8)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 8); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh (lần 8), với số vốn 1.273.301 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV, V, VI)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. KT. 2/2

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



Phụ lục số 1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số. 25/NQ-HDND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư	TMBT		Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao						Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước					
										CDNS	Tiền sử dụng đất	XSCT		Thu vượt trong cân đối 2022			CDNS	Tiền sử dụng đất	XSCT		Thu vượt trong cân đối 2022				CDNS	Tiền sử dụng đất
	TỔNG CỘNG					6.277.668	4.134.082	4.433.523	3.233.523	348.347	528.881	2.352.409	3.886	1.200.000	1.200.000	4.433.523	3.233.523	348.347	528.881	2.352.409	3.886	1.200.000	1.200.000	627.256	627.256	
A	Chuyển đổi số các sở, ngành tỉnh							11.499	11.499	11.499						-	-							11.499		
B	Đổi ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương							130.000	130.000			130.000												130.000		
C	Đề án “Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”					296.126	296.126	149.575	149.575			149.575				140.202	140.202			140.202				9.373		
D	Dự án chưa đủ điều kiện giao vốn chi tiết							141.550	141.550			141.550				-	-							141.550		
E	Vốn chưa phân bổ chi tiết					844.797	844.797	41.829	328.381	474.587					601.880	601.880			127.293	474.587				242.917		
	THỰC HIỆN DỰ ÁN					5.851.542	3.897.956	3.156.102	1.956.102	295.019	200.500	1.456.697	3.886	1.200.000	1.200.000	3.561.441	2.361.441	348.347	401.588	1.607.620	3.886	1.200.000	1.200.000	91.917	497.256	
*	CẬP TÍNH QUẢN LÝ					5.727.595	3.766.683	3.124.487	1.924.487	286.109	200.500	1.433.992	3.886	1.200.000	1.200.000	3.520.026	2.320.026	339.437	401.588	1.575.115	3.886	1.200.000	1.200.000	91.066	486.605	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					26.628	26.628	26.628	26.628	-	-	26.628	-	-	-	26.127	26.127	-	-	26.127	-	-	-	501	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					26.628	26.628	26.628	26.628	-	-	26.628	-	-	-	26.127	26.127	-	-	26.127	-	-	-	501	-	
I	Xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp	2023	2025		684/QĐ-UBND, 24/4/2023	26.628	26.628	26.628	26.628			26.628				26.127	26.127			26.127				501		
II	Sở Khoa học và Công nghệ					2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	2.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	2.000	
I	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý đề tài, dự án trực tuyến	2024	2026		833/QĐ-UBND, 12/6/2024	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	2.000	
III	Sở Tư pháp					2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	-	-	2.903	2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	2.903	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	-	-	2.903	2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	2.903	
I	Nâng cấp cơ sở dữ liệu Công chứng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	2024	2025		1082/QĐ-UBND, 24/7/2024	2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	-	-	2.903	2.903	2.903	-	-	-	-	-	-	2.903	
IV	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng					8.360	8.360	8.219	8.219	8.219	-	-	-	-	-	8.054	8.054	8.054	-	-	-	-	-	-	165	-
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					8.360	8.360	8.219	8.219	8.219	-	-	-	-	-	8.054	8.054	8.054	-	-	-	-	-	-	165	-
I	Dự án Hoàn thiện khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng	2021	2023		01/QĐ-SKHDT ngày 08/01/2021	7.500	7.500	7.400	7.400	7.400						7.299	7.299	7.299							101	
2	Trạm bơm điện tại khoảnh 20 - 47 Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng	2021	2023		257/QĐ-SKHDT ngày 12/7/2021	860	860	819	819	819						755	755	755							64	
V	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh					14.726	14.726	3.460	3.460	3.460	-	-	-	-	-	3.549	3.549	3.549	-	-	-	-	-	-	3.460	3.549
	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					11.226	11.226	-	-	-	-	-	-	-	-	49	49	49	-	-	-	-	-	-	49	
1	Ban Chỉ huy quân sự phường Bình Thạnh	2019	2020		316/QĐ-SKHDT, 31/10/2019	2.699	2.699	-	-	-	-	-	-	-	-	13	13	13							13	
2	Ban Chỉ huy quân sự xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2012	2013		45/QĐ-SKHDT, 08/5/2012	2.028	2.028	-	-	-	-	-	-	-	-	12	12	12							12	
3	Nhà trưng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	2019	2020		319/QĐ-SKHDT, 31/10/2019	6.499	6.499	-	-	-	-	-	-	-	-	24	24	24							24	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					3.500	3.500	3.460	3.460	3.460	-	-	-	-	-	3.500	3.500	3.500	-	-	-	-	-	-	3.460	3.500



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao						Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung					Giảm	Tăng	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			CDNS	Tiền sử dụng đất	NSKT	Thu vượt trong cân đối 2022					CDNS	Tiền sử dụng đất	NSKT						Thu vượt trong cân đối 2022
1	Ban CHQS xã Long Bình	2022	2024	1250a/QĐ-UBND, 01/07/2021	3.500	3.500	3.460	3.460	3.460						-	-							3.460		
2	Ban Chỉ huy quân sự xã Vị Thắng	2024	2025	381/QĐ-UBND, 21/3/2024	3.500	3.500	-	-							3.500	3.500	3.500							3.500	
VI	Công an tỉnh				19.500	19.500	19.500	19.500	6.730	500	8.384	3.886	-	-	18.324	18.324	5.554	500	8.384	3.886	-	-	1.176	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				19.500	19.500	19.500	19.500	6.730	500	8.384	3.886	-	-	18.324	18.324	5.554	500	8.384	3.886	-	-	1.176	-	
1	Sửa chữa, nâng cấp Công an các xã: Vị Thủy, Thuận Hóa, Hòa An, Trường Long Tây, Trường Long A, Phương Bình, Tân Bình, Tân Long	2023	2025	644/QĐ-UBND, 24/4/2023	8.000	8.000	8.000	8.000	1.500		6.500				7.510	7.510	1.010		6.500					490	
2	Sửa chữa, nâng cấp Công an các xã: Vĩnh Thuận Tây, Tân Phú, Hòa Lự, Hòa Tiến, Vị Tân, Nhơn Nghĩa A, Tân Phú Thạnh, Phú Tân, Đại Thành, Tân Thành	2023	2025	643/QĐ-UBND, 24/4/2023	9.000	9.000	9.000	9.000	4.614	500		3.886			8.556	8.556	4.170	500		3.886				444	
3	Sửa chữa, nâng cấp Công an phường I, thành phố Vị Thanh	2023	2025	642/QĐ-UBND, 24/4/2023	2.500	2.500	2.500	2.500	616		1.884				2.258	2.258	374		1.884					242	
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				2.341.095	1.686.408	1.466.118	1.466.118	254.700	200.000	1.011.418	-	-	-	1.470.273	1.470.273	253.952	200.000	1.016.321	-	-	-	78.704	82.859	-
	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				839.418	184.731	19.248	19.248	-	-	19.248	-	-	-	20.230	20.230	-	-	20.230	-	-	-	-	982	-
1	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thành Xuân, huyện Châu Thành A	2020	2022	1907/QĐ-UBND, 31/10/2019	29.731	29.731	9.185	9.185			9.185				9.194	9.194			9.194				9	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1781/QĐ-UBND, 17/10/2023)	
2	Xây dựng nhà máy nước Long Mỹ	2020	2022	1859/QĐ-BND, 28/10/2016; 801/QĐ-UBND, 22/5/2018	40.000	40.000	10.063	10.063			10.063				10.218	10.218			10.218				155	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1103/QĐ-UBND, 10/6/2023)	
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang-quy mô 500 giường	2005	2015	3156/QĐ-UBND, 25/11/2009	654.687		-	-							706	706			706				706	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1267/QĐ-UBND, 08/7/2023)	
4	Khu hữu cũ Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh và Khu hành chính quản lý của trung tâm Văn hóa	2016	2020	1940/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	115.000	115.000	-	-							112	112			112				112	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1197/QĐ-UBND, 14/11/2023)	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				1.501.677	1.501.677	1.446.870	1.446.870	254.700	200.000	992.170	-	-	-	1.450.043	1.450.043	253.952	200.000	996.091	-	-	-	78.704	81.877	
1	Sửa chữa Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ (giai đoạn 2)	2021	2023	173/QĐ-UBND, 11/3/2021	30.000	30.000	29.700	29.700	29.700						29.115	29.115	29.115						585		
2	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Hậu Giang, hạng mục: Nhà y tế, nhà lưu giữ tro cốt và các hạng mục phụ trợ	2021	2023	21/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	14.999	14.999	14.799	14.799	5.000		9.799				14.732	14.732	5.000		9.732				67		
3	Cải tạo mở rộng bệnh viện chuyên khoa Tâm thần - Đa khoa tỉnh	2021	2023	57/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	10.221	10.221	10.021	10.021			10.021				9.021	9.021			9.021				1.000		
4	Trung tâm Y tế thành phố Vị Thanh	2021	2023	253/QĐ-UBND, 09/02/2021	44.995	44.995	44.093	44.093			44.093				40.903	40.903			40.903				3.190		
5	Cải tạo mở rộng Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh	2021	2023	254/QĐ-UBND, 09/02/2021	20.000	20.000	19.600	19.600			19.600				18.175	18.175			18.175				1.425		
6	Trạm y tế Phường IV	2021	2023	51/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	9.000	9.000	8.820	8.820			8.820				6.963	6.963			6.963				1.857		
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công trình y tế giai đoạn 1 và xây dựng Trụ sở Trung tâm Pháp y, Trung Tâm Giám định Y khoa, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	2021	2024	511/QĐ-UBND, 15/3/2021	190.000	190.000	188.000	188.000			188.000				178.000	178.000			178.000				10.000		
8	Cải tạo, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh	2021	2024	251/QĐ-UBND, 09/02/2021	54.318	54.318	53.398	53.398			53.398				51.759	51.759			51.759				1.639		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao							Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CDNS	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tiền sử dụng đất	XSKT	Thu vượt trong cân đối 2022					CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT			Thu vượt trong cân đối 2022				
9	Trường THPT Vĩnh Tường	2021	2023	260/QĐ-UBND 09/02/2021	18.000	18.000	17.640	17.640			17.640				16.800	16.800			16.800					840		
10	Trường THPT Cây Dương	2021	2023	15/QĐ-UBND 06/01/2021	21.299	21.299	20.873	20.873			20.873				20.581	20.581			20.581					292		
11	Trường THPT Cây Dương (phần hiệu Búng Tầu)	2021	2023	15/QĐ-SKHĐT 15/01/2021	14.995	14.995	14.695	14.695			14.695				14.595	14.595			14.595					100		
12	Trường THPT Châu Thành A	2021	2023	64/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	9.000	9.000	8.820	8.820			8.820				8.708	8.708			8.708					112		
13	Trường THPT Phú Hữu	2021	2023	63/QĐ-SKHĐT, 19/02/2021	14.990	14.990	14.690	14.690			14.690				13.955	13.955			13.955					735		
14	Trường THPT Ngã Sáu	2021	2023	19/QĐ-SKHĐT 15/01/2021	9.000	9.000	8.648	8.648			8.648				8.653	8.653			8.653				5	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án		
15	Trường THPT Trường Long Tây	2021	2023	61/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	9.200	9.200	9.020	9.020			9.020				8.856	8.856			8.856					164		
16	Trường THPT Tân Phú	2021	2023	05/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	2.000	2.000	1.960	1.960			1.960				1.897	1.897			1.897					63		
17	Xây dựng tượng đài thuộc di tích Chiến thắng Chảy Đập, xã Thanh Hóa, huyện Phụng Hiệp	2021	2023	220/QĐ-SKHĐT, 18/6/2021	7.300	7.300	7.200	7.200			7.200				7.032	7.032			7.032					168		
18	Trường THPT Hòa An	2021	2023	17/QĐ-SKHĐT, 15/01/2021	10.000	10.000	9.800	9.800			9.800				9.548	9.548			9.548					252		
19	Trường THPT Long Mỹ	2021	2023	259/QĐ-UBND, 09/02/2021	18.000	18.000	17.640	17.640			17.640				17.061	17.061			17.061					579		
20	Trường THPT Vị Thủy	2021	2023	59/QĐ-SKHĐT, 09/02/2021	7.000	7.000	6.860	6.860			6.860				6.625	6.625			6.625					235		
21	Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến thắng Chương Thiện: Sơn lại và xử lý chống lún tam cấp nhà trưng bày, công hăng rào, nhà làm việc, nhà bảo vệ và bảo quản các hiện vật trưng bày ngoài trời (xe tăng, máy bay, súng, đạn...); thay mới hệ thống đèn chiếu sáng, trồng thêm cây kiểng	2021	2023	230/QĐ-SKHĐT, 30/6/2021	5.000	5.000	4.900	4.900			4.900				3.900	3.900			3.900				1.000			
22	Di tích Khu ủy, Quân khu ủy Khu 9	2022	2024	2359/QĐ-UBND; 03/12/2021	14.993	14.993	14.993	14.993			14.993				200	200			200					14.793		
23	Nâng cấp, sửa chữa cống - hăng rào, nhà trực bảo vệ mục tiêu, trung tâm dịch vụ truyền hình và điều hành, nhà đặt máy phát sóng	2022	2024	2345/QĐ-UBND; 03/12/2021	8.700	8.700	8.700	8.700			8.700				8.495	8.495			8.495					205		
24	Nâng cấp, mở rộng Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật và mô côi phường IV, thành phố Vị Thanh	2022	2024	2346/QĐ-UBND; 03/12/2021	2.000	2.000	2.000	2.000			2.000				1.948	1.948			1.948					52		
25	Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ Phụng Hiệp - Ngã Bảy giai đoạn 2	2022	2024	2376/QĐ-UBND; 07/12/2021	10.000	10.000	10.000	10.000			10.000				9.649	9.649			9.649					351		
26	Khu tái định cư Đồng Phú 3	2024	2027	12/NQ-HĐND, 29/3/2024; 20/NQ-HĐND, 14/6/2024	461.000	461.000		500.000	100.000	200.000	200.000				461.000	461.000	100.000	200.000	161.000					39.000		
27	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	2024	2026	1080/QĐ-UBND, 24/7/2024	2.600	2.600									2.600	2.600	2.600						2.600			
28	Khu tái định cư Mái Dầm	2023	2026	10/NQ-HĐND, 17/6/2022; 36/NQ-HĐND, 08/12/2023	483.067	483.067	400.000	400.000	120.000		280.000				479.272	479.272	117.237		362.035				79.272	Bổ sung thanh toán khối lượng		
VIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh				3.256.225	1.950.000	1.553.000	353.000	3.000	-	350.000	-	1.200.000	1.200.000	1.935.543	735.543	44.829	201.088	489.626	-	1.200.000	1.200.000		4.155	386.698	
	Dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				87.025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.231	2.231	-	-	2.231	-	-	-	-	-	2.231	
1	Đập bồi vụ ngắn mặn trên kênh Hậu Giang 3, tỉnh Hậu Giang (giáp sông Cái Lớn, huyện Long Mỹ)	2016	2016	84/QĐ-SKHĐT, 01/6/2016	7.675		-	-							1.386	1.386			1.386					1.386	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (756/QĐ-UBND, 17/12/2019)	
2	Kê chống sạt lở thi trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành	2018	2021	1850/QĐ-UBND, 28/1/2018	55.000		-	-							52	52			52					52	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1314/QĐ-UBND, 03/8/2023)	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao							Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung							Giám	Tăng	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CDNS	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP	Tiền sử dụng đất	XSKT					Thu vượt trong cân đối 2022	Tiền sử dụng đất	XSKT			Thu vượt trong cân đối 2022				
3	Mô rộng đường tránh thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	2020	2022	1903/QĐ-UBND, 30/10/2019; 972/QĐ-UBND, 13/6/2023	24.350		-							793	793			793					793	Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (244/QĐ-UBND, 28/2/2024)	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				3.169.200	1.950.000	1.553.000	353.000	3.000	-	350.000	-	1.200.000	1.200.000	1.933.312	733.312	44.829	201.088	487.395	-	1.200.000	1.200.000	4.155	384.467	
1	Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối với tuyến Quốc lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng	2021	2026	28/NQ-HĐND, 10/11/2020; 12/NQ-HĐND, 14/7/2021	1.569.200	350.000	1.553.000	353.000	3.000		350.000		1.200.000	1.200.000	1.548.845	348.845	3.000		345.845		1.200.000	1.200.000	4.155		
2	Cầu và đường Nguyễn Chi Thanh, thành phố Vị Thanh	2024	2029	23/NQ-HĐND, 24/7/2024	1.600.000	1.600.000								384.467	384.467	41.829	201.088	141.550					384.467		
IX	Đai Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang				8.596	8.596	-	-		-	-	-	-	8.596	8.596	8.596	-	-	-	-	-	-	-	8.596	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				8.596	8.596	-	-		-	-	-	-	8.596	8.596	8.596	-	-	-	-	-	-	-	8.596	
I	Đầu tư hạ tầng và sản xuất phục vụ nối dung chuyển đổi số Đai Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2024 - 2025	2024	2026	1081/QĐ-UBND, 24/7/2024	8.596	8.596	-	-						8.596	8.596	8.596								8.596	
X	Sở Tài nguyên và Môi trường				47.562	47.562	47.562	47.562	10.000	-	37.562	-	-	-	44.657	44.657	10.000	-	34.657	-	-	-	2.905	-	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				47.562	47.562	47.562	47.562	10.000	-	37.562	-	-	-	44.657	44.657	10.000	-	34.657	-	-	-	2.905	-	
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2	2021	2024	36/NQ-HĐND, 10/11/2020	47.562	47.562	47.562	47.562	10.000		37.562		-	-	44.657	44.657	10.000		34.657				2.905		
**	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ				123.947	41.273	31.615	31.615	8.910	0	22.705	0	0	0	41.415	41.415	8.910	0	32.505	0	0	0	851	10.651	
I	UBND huyện Long Mỹ				32.373	29.873	20.305	20.305	-	-	20.305	-	-	-	29.678	29.678	-	-	29.678	-	-	-	69	9.442	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				32.373	29.873	20.305	20.305	-	-	20.305	-	-	-	29.678	29.678	-	-	29.678	-	-	-	69	9.442	
1	Trường Mẫu giáo Xã Phiến 1 (giai đoạn 2)	2021	2023	2213/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.000	10.000	9.900	9.900			9.900				9.831	9.831			9.831				69		
2	Trường THCS Xã Phiến	2021	2023	2209/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.500	10.500	10.405	10.405			10.405				10.474	10.474			10.474				69		Thanh toán khối lượng hoàn thiện
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Nông nghiệp Cao Cường	2023	2025	1780/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023	11.873	9.373	-	-						9.373	9.373			9.373				9.373			Bổ sung theo Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững
II	UBND huyện Vị Thủy				13.800	11.400	11.310	11.310	8.910	-	2.400	-	-	-	11.310	11.310	8.910	-	2.400	-	-	-	782	782	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				13.800	11.400	11.310	11.310	8.910	-	2.400	-	-	-	11.310	11.310	8.910	-	2.400	-	-	-	782	782	
1	Tuyến Kênh Ngang (ấp 6,7), xã Vĩnh Thuận Tây	2021	2023	2058/QĐ-UBND, 26/11/2020	9.000	9.000	8.910	8.910	8.910						8.128	8.128	8.128						782		
2	Đường Kênh Tây, xã Vị Thẳng	2021	2023	2439/QĐ-UBND, 13/7/2021	4.800	2.400	2.400	2.400			2.400				3.182	3.182	782		2.400				782		Thanh toán nợ sau quyết toán (70/QĐ-UBND, 12/01/2023)
III	UBND huyện Phụng Hiệp				77.774	-	-	-	-	-	-	-	-	-	427	427	-	-	427	-	-	-	427		
	Tất toán tài khoản				77.774	-	-	-	-	-	-	-	-	-	427	427	-	-	427	-	-	-	427		
1	Bờ kè sóng Lái Phếu, đoạn qua trung tâm thị trấn Cây Dượng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	2012	2018	1752/QĐ-UBND ngày 06/11/2018	77.774		-	-						427	427			427				427			Thanh toán nợ sau quyết toán, tất toán dự án (1169/QĐ-UBND, 11/7/2023)
G	Phân bổ chi tiết vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương				130.000	130.000	-	-						130.000	130.000			130.000					130.000		
I	UBND thành phố Vị Thanh				14.000	14.000								14.000	14.000			14.000					14.000		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				14.000	14.000								14.000	14.000			14.000					14.000		
1	Xây mới Nhà văn hóa - Khu thể thao, ấp Thạnh Quới 1, xã Tân Tiến	2024	2026	2062/QĐ-UBND, 19/7/2024	1.800	1.800								1.800	1.800			1.800					1.800		
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa - Khu thể thao, ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến	2024	2026	2063/QĐ-UBND, 19/7/2024	600	600								600	600			600					600		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao						Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú						
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TN&BT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CBNS	Tiền sử dụng đất	XS&T	Thu vượt trong cân đối 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó: Vốn trong nước				
					Trong đó: NSDP	CDNS											Tiền sử dụng đất	XS&T	Thu vượt trong cân đối 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						CDNS	Tiền sử dụng đất	XS&T	Thu vượt trong cân đối 2022

3	Nâng cấp, sửa chữa đường Ông Cà (đoạn từ cầu Hai Rong đến chùa Khmer), xã Hòa Lữ	2024	2026	2074/QĐ-UBND, 19/7/2024	3.300	3.300							3.300	3.300			3.300				3.300
4	Nâng cấp, sửa chữa đường Tư Hương, ấp Mỹ Hiệp 2, xã Tân Tiến	2024	2026	2075/QĐ-UBND, 19/7/2024	4.000	4.000							4.000	4.000			4.000				4.000
5	Đệm và đường Phạm Hùng (đoạn từ Cầu Kinh Dê - Cầu Kinh Năm)	2024	2026	2076/QĐ-UBND, 19/7/2024	1.000	1.000							1.000	1.000			1.000				1.000
6	Lắp đặt hệ thống thoát nước cấp Quốc Lộ 61 (đoạn từ UBND xã Tân Tiến đến cầu Cái Tư)	2024	2026	2077/QĐ-UBND, 19/7/2024	1.000	1.000							1.000	1.000			1.000				1.000
7	Xây dựng đường kênh Chông Tăng, ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến	2024	2026	2078/QĐ-UBND, 19/7/2024	2.300	2.300							2.300	2.300			2.300				2.300
II	UBND thành phố Ngã Bảy				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
1	Bê tông chống sạt lở kênh Ba Ngàn, xã Đại Thành	2024	2026	1417/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	4.790	4.790							4.790	4.790			4.790				4.790
2	Duy tu, sửa chữa Lộ từ cầu Út Quê đến cầu Thái Tử (bò tiền) xã Tân Thành	2024	2026	1415/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.200	1.200							1.200	1.200			1.200				1.200
3	Duy tu, sửa chữa Lộ Bưng Tháy Tăng bờ trái ấp Đông An 2, xã Tân Thành	2024	2026	1416/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	3.960	3.960							3.960	3.960			3.960				3.960
4	Duy tu, sửa chữa Lộ từ HTX Đồng Bình đến giáp xã Đông Phước, ấp Đồng Bình, xã Tân Thành	2024	2026	1418/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.300	2.300							2.300	2.300			2.300				2.300
5	Nhà văn hóa ấp Sơn phú 2, xã Tân thành	2024	2026	1419/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.750	1.750							1.750	1.750			1.750				1.750
III	UBND thị xã Long Mỹ				17.000	17.000							17.000	17.000			17.000				17.000
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				17.000	17.000							17.000	17.000			17.000				17.000
1	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Hào Bửu, xã Long Phú (đoạn cũ lại)	2024	2026	3153/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	8.200	8.200							8.200	8.200			8.200				8.200
2	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Lò Rén xã Long Phú (đoạn cũ lại)	2024	2026	3153/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.300	1.300							1.300	1.300			1.300				1.300
3	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Cù A	2024	2026	3154/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	2.200	2.200							2.200	2.200			2.200				2.200
4	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Cù B	2024	2026	3155/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.300	3.300							3.300	3.300			3.300				3.300
5	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Ba Nhứt	2024	2026	3156/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	2.000	2.000							2.000	2.000			2.000				2.000
IV	UBND huyện Long Mỹ				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
1	Nhà văn hóa ấp 10, xã Lương Nghĩa	2024	2026	2139/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.000	3.000							3.000	3.000			3.000				3.000
2	Tuyến đường nam Tô Ma ấp 8, (đoạn từ kênh 5 Bút đến kênh Nhà lều)	2024	2026	2140/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	5.500	5.500							5.500	5.500			5.500				5.500
3	Tuyến đường nam Long Mỹ II, (đoạn từ kênh Dê Ngàn Mận đến kênh Ngàn Mỏ)	2024	2026	2141/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	2.800	2.800							2.800	2.800			2.800				2.800
4	Tuyến đường Kênh Tắc ấp 8 (đoạn từ đê Ngàn Mận đến Sông Cái Ngàn Dừa)	2024	2026	2142/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	2.700	2.700							2.700	2.700			2.700				2.700
V	UBND huyện Vị Thủy				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				14.000	14.000							14.000	14.000			14.000				14.000
1	Nâng cấp, mở rộng đường kênh Nước Dục, ấp 9, xã Vị Thới	2024	2026	2199/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.475	3.475							3.475	3.475			3.475				3.475
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Kênh Ngang, xã Vị Đông	2024	2026	2197/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.740	1.740							1.740	1.740			1.740				1.740
3	Nâng cấp, mở rộng đường kênh 9500 (Bắc Xà Nô), xã Vị Bình	2024	2026	2198/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	8.785	8.785							8.785	8.785			8.785				8.785
VI	UBND huyện Phụng Hiệp				23.000	23.000							23.000	23.000			23.000				23.000
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				23.000	23.000							23.000	23.000			23.000				23.000
1	Cầu Cái Nhum, xã Long Thành, huyện Phụng Hiệp	2024	2026	6306/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	9.000	9.000							9.000	9.000			9.000				9.000
2	Nhà văn hoá ấp Tân Hiệp	2024	2026	6299/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.750	1.750							1.750	1.750			1.750				1.750
3	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Thành	2024	2026	6300/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.000	2.000							2.000	2.000			2.000				2.000
4	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Long	2024	2026	6301/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.000	2.000							2.000	2.000			2.000				2.000
5	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tân Bình	2024	2026	6302/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.500	2.500							2.500	2.500			2.500				2.500
6	Nhà văn hoá ấp Tân Phú A	2024	2026	6303/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.750	1.750							1.750	1.750			1.750				1.750
7	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Quới	2024	2026	6304/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.000	2.000							2.000	2.000			2.000				2.000
8	Nhà văn hoá -khu thể thao ấp Tân Quới Rạch	2024	2026	6305/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.000	2.000							2.000	2.000			2.000				2.000


STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Tổng kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã giao						Tổng Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú			
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT	Thu vượt trong cân đối 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách trung ương Trong đó:	Vốn trong nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP												CDNS	Tiền sử dụng đất	XSKT						Thu vượt trong cân đối 2022
VII	UBND huyện Châu Thành				17.000	17.000								17.000	17.000		17.000						17.000			
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				17.000	17.000								17.000	17.000		17.000						17.000			
1	Đường GTNT tuyến Ngã Tư - 927C, xã Phú Tân	2024	2026	3521/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	3.500	3.500								3.500	3.500		3.500						3.500			
2	Đường GTNT tuyến kênh Cái Muồng, ấp Tân Long - Tân Thuận, xã Đồng Phước A	2024	2026	3581/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	6.000	6.000								6.000	6.000		6.000						6.000			
3	Tuyến Cải Nhau- Xéo Chối, ấp Long Lợi A- Phước Lợi	2024	2026	3580/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	5.500	5.500								5.500	5.500		5.500						5.500			
4	Sơn, sửa chữa hàng rào và trụ sở xã Phú Tân đạt chuẩn Nông thôn mới	2024	2026	3579/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	2.000	2.000								2.000	2.000		2.000						2.000			
VIII	UBND huyện Châu Thành A				17.000	17.000								17.000	17.000		17.000						17.000			
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				17.000	17.000								17.000	17.000		17.000						17.000			
1	Trường THCS Nhơn Nghĩa A (giai đoạn 3)	2024	2026	3298/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	5.000	5.000								5.000	5.000		5.000						5.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến từ Trâu Hới đến Xáng Mơn (ấp Nhơn Thuận 1- Nhơn Thuận 1A)	2024	2026	3296/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	5.000	5.000								5.000	5.000		5.000						5.000			
3	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1 (giai đoạn 2)	2024	2026	3299/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	5.000	5.000								5.000	5.000		5.000						5.000			
4	Trường Mẫu giáo Trường Long Tây	2024	2026	3297/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	2.000	2.000								2.000	2.000		2.000						2.000			

Phụ lục số II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI)

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung		Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			
	TỔNG CỘNG				36.968	8.835	25.023	25.023	25.023	25.023	1.423	1.423	
	UBND huyện Vị Thủy				36.968	8.835	25.023	25.023	25.023	25.023	1.423	1.423	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	7905835	2021-2023	2433/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375	1.031	1.031	1.038	1.038	-	7	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	7905836	2021-2023	2434/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.750	1.375	1.213	1.213	1.226	1.226	-	13	
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	7905837	2021-2023	2435/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.530	1.265	1.073	1.073	1.092	1.092	-	19	
4	Nhà văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	7905833	2021-2023	2431/QĐ-UBND, 13/7/2021	2.640	1.320	826	826	839	839	-	13	
5	Đường Cái Đĩa, xã Vị Thắng	7905830	2021-2023	2438/QĐ-UBND, 13/7/2021	7.000	3.500	1.503	1.503	2.874	2.874	-	1.371	
6	Nhà văn hóa ấp 9A1	7964526	2022-2024	2490/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		1.580	1.580	1.002	1.002	578	-	
7	Nhà văn hóa ấp 9A2	7964525	2022-2024	2491/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		1.580	1.580	1.374	1.374	206	-	
8	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 2	7964563	2022-2024	2492/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		1.580	1.580	1.571	1.571	9	-	
9	Nhà văn hóa ấp 1	7964811	2023-2025	2496/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.181		1.380	1.380	1.174	1.174	206	-	
10	Nhà văn hóa ấp 3A	7964804	2023-2025	2498/QĐ-UBND, 18/7/2022	617		597	597	560	560	37	-	
11	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 6	7964809	2023-2025	817/QĐ-UBND, 13/3/2023	1.500		1.580	1.580	1.439	1.439	141	-	
12	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	7964808	2023-2025	2502/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		1.580	1.580	1.509	1.509	71	-	
13	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Vị Thanh	7964529	2022-2024	2504/QĐ-UBND, 18/7/2022	6.000		5.940	5.940	5.907	5.907	33	-	
14	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7A1	7964803	2022-2024	2505/QĐ-UBND, 18/7/2022	1.600		1.580	1.580	1.532	1.532	48	-	
15	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7B1	7964802	2022-2024	2506/QĐ-UBND, 18/7/2022	2.000		1.980	1.980	1.886	1.886	94	-	



Phụ lục số III

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Tăng	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
									<i>Ngân sách Nhà nước, sử dụng kinh phí từ 10% nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2023 -2025 (bao gồm nguồn thu vượt tiền sử dụng đất)</i>		
	TỔNG CỘNG					29.504	29.504	29.504	29.504	29.504	
	Sở Tài nguyên và Môi trường					29.504	29.504	29.504	29.504	29.504	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025					29.504	29.504	29.504	29.504	29.504	
1	Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu tỉnh Hậu Giang	8055330	2023	2025	1762/QĐ-UBND, 13/10/2023	29.504	29.504	29.504	29.504	29.504	

Phụ lục số IV

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(NGUỒN THU VƯỢT TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh, bổ sung		Tăng	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		
			Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2023		Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2023		
	TỔNG SỐ	11.240	11.240	144.158	144.158	132.918	
1	UBND thành phố Ngã Bảy			12.905	12.905	12.905	
2	UBND thị xã Long Mỹ			10.049	10.049	10.049	
3	UBND huyện Long Mỹ	4.040	4.040	20.582	20.582	16.542	Hoàn trả vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đầu tư Khu TĐC ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ (19.812 triệu đồng)
4	UBND huyện Vị Thủy			16.558	16.558	16.558	
5	UBND huyện Phụng Hiệp			14.329	14.329	14.329	
6	UBND huyện Châu Thành	7.200	7.200	45.094	45.094	37.894	Hoàn trả vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đầu tư Khu TĐC phục vụ KCN Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (18.166 triệu đồng)
7	UBND huyện Châu Thành A			24.641	24.641	24.641	

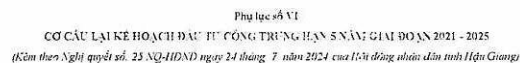
Phụ lục số V

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024)

(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án		Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Thu tiền sử dụng đất năm 2024
	Tổng số				59.996	59.996	44.796	44.796		
1	UBND thành phố Vĩ Thanh		2021	2022	1259/QĐ-UBND, ngày 02/7/2021	59.996	59.996	44.796	44.796	Hoàn trả chi phí cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện đầu tư dự án: Khu Tái định cư thành phố Vĩ Thanh (giai đoạn 1)

[illegible]